

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TIÊN LŨ
TỈNH HƯNG YÊN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số:04/2018/KDTM-ST

Ngày: 18/12/2018

"V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIÊN LŨ, TỈNH HƯNG YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đoàn Mạnh Quang

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đào Văn Ngà

2. Bà Vũ Thị Toan

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thơm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tiên Lữ

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiên Lữ tham gia phiên tòa: Bà Đào Ngọc Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 12 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tiên Lữ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 05/2018/TLST-KDTM ngày 24 tháng 8 năm 2018 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2018/QĐXXST-KDTM ngày 15 tháng 11 năm 2018 giữa:

Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần C

Địa chỉ: Số 110 Tr. Đ, quận H, Thành phố Hà Nội

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Phạm Văn T - Phó Giám đốc Ngân hàng thương mại cổ phần C, Chi nhánh Hưng Yên là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền số 979/UQ-HĐQT-NHCT18 ngày 20/10/2017) “*vắng mặt*”

Địa chỉ: Số 01 Đ B, phường L, thành phố H, tỉnh Hưng Yên

Bị đơn: Công ty trách nhiệm hữu hạn sản xuất Thương mại xuất nhập khẩu N

Địa chỉ: Khu phố H B, thị trấn V, huyện T, tỉnh Hưng Yên.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Bà Vũ Thị H - Giám đốc công ty là người đại diện theo pháp luật, địa chỉ: Đội 3, xã D, huyện T, tỉnh Hưng Yên “*vắng mặt*”.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Phạm Q B, sinh năm 1949 “*vắng mặt*”

Người đại diện hợp pháp của ông B: Bà Vũ Thị H là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 23/10/2018) “*vắng mặt*”

Địa chỉ: Đội 3, xã D, huyện T, tỉnh Hưng Yên.

- Anh Vũ C H, sinh năm 1980 “*vắng mặt*”.

- Chị Phạm Thị Đ, sinh năm 1980 “*vắng mặt*”.

Đều có địa chỉ: Thôn N , xã A, huyện T, tỉnh Hưng Yên.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai cũng như trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn trình bày: Ngày 10 tháng 6 năm 2016, Ngân hàng thương mại cổ phần C - Chi nhánh Hưng Yên (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) và Công ty trách nhiệm hữu hạn sản xuất Thương mại xuất nhập khẩu N (sau đây gọi tắt là công ty N) ký Hợp đồng tín dụng số 300228634/2016-HĐTDHM/NHCT342 và các văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng, theo đó Ngân hàng cam kết cho công ty N vay các khoản tiền bằng Đồng Việt Nam trong thời hạn duy trì hạn mức với tổng số tiền dư nợ tại mọi thời điểm không vượt quá 10.000.000.000đ (*mười tỷ đồng*).

Mỗi khoản tiền được giải ngân và bên vay ký giấy nhận nợ được gọi là khoản nợ. Hạn mức cho vay theo Hợp đồng này bao gồm cả các khoản nợ được điều chỉnh bởi Hợp đồng tín dụng số 300228634/2015/HĐTDHM/NHCT342 ký ngày 25/05/2015 giữa hai bên, thời hạn duy trì hạn mức kể từ ngày 10/6/2016 đến hết ngày 10/6/2017. Thời hạn cho vay của từng khoản nợ ghi trên giấy nhận nợ tối đa không quá 06 tháng. Lãi suất cho vay của từng khoản nợ được ghi trên giấy nhận nợ, được điều chỉnh 01 tháng/lần theo thông báo lãi suất của Ngân hàng và tại thời điểm ký hợp đồng áp dụng mức 9,5%/năm; lãi suất nợ quá hạn bằng 50% lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm phát sinh nợ quá hạn. Phạt chậm trả lãi bằng 8% và phải chịu các loại phí theo quy định của Ngân hàng. Mục đích cho vay để công ty N thanh toán chi phí mua nguyên vật Liệu đầu vào, mua phụ Liệu và các khoản chi phí hợp lý khác phục vụ phương án chế biến, kinh doanh các sản phẩm từ quế.

Để bảo đảm nghĩa vụ trả nợ gốc, thanh toán lãi, phí, các nghĩa vụ tài chính khác vợ chồng chị Phạm Thị Đ anh Vũ C H (con gái, con rể bà H ông B) đã ký Hợp đồng thế chấp bất động sản số 300228634-01/HĐTC/VB-N ngày 28/5/2015 thế chấp diện tích đất 75,2m² ở khu gia đình trường Cao đẳng sư phạm H thuộc phường A, thành phố H tại thửa số 41 tờ bản đồ số 56 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn Lền với đất số BB 374904 do UBND thành phố H cấp ngày 21 tháng 5 năm 2010 mang tên chị Đ anh H, trên đất có ngôi nhà mái bằng một tầng diện tích sàn xây dựng 70m². Vợ chồng Bà Vũ Thị H ông Phạm Q B đã ký Hợp đồng thế chấp bất động sản số 300228634-02/HĐTTC/VB-N ngày 02/6/2015 thế chấp diện tích đất 318,3m² ở mặt đường 200 xã D huyện T tại thửa số 414 tờ bản đồ số 224 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn Lền với đất số BS 547726 do UBND huyện T cấp ngày 29 tháng 12 năm 2014 mang tên ông B bà H, trên đất có ngôi nhà 02 tầng mái bằng diện tích sàn 250m². Hai hợp đồng thế chấp bất động sản đều được công chứng và đăng ký giao dịch đảm bảo theo quy định.

Thực hiện hợp đồng tín dụng, Ngân hàng đã nhiều lần cấp tín dụng cho công ty N được thể hiện bằng các giấy nhận nợ với tổng số tiền là 5.420.000.000đ. Công ty N trả được số tiền gốc 1.146.349.000đ, tiền lãi 142.710.556đ và đến ngày 30/9/2016 thì vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Ngân hàng đã nhiều lần thông báo, nhắc nợ, đồng thời làm việc với công ty N về nghĩa vụ trả nợ nhưng công ty không thực hiện. Tạm tính đến ngày 01/7/2018, công ty N còn nợ tiền gốc 4.273.651.000đ, tiền lãi trong hạn 755.236.766đ, lãi phạt quá hạn 351.139.088đ, tổng cộng bằng 5.380.026.854đ. Đối với phạt chậm trả lãi và các loại phí Ngân hàng không yêu cầu bị đơn phải thanh toán. Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc công ty N phải thanh toán trả toàn bộ số nợ gốc và lãi tính đến ngày 01/7/2018 là 5.380.026.854đ. Công ty N còn phải tiếp tục chịu lãi trên nợ gốc theo đúng lãi suất đã ký trong hợp đồng tín dụng. Trường hợp công ty N không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ, đề nghị cho phát mại tài sản đã thế chấp để thu hồi nợ. Nếu tài sản thế chấp sau khi phát mại không đủ thu hồi nợ thì buộc bị đơn phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ cho Ngân hàng theo Hợp đồng tín dụng đã ký.

Quá trình giải quyết vụ án, đại diện theo pháp luật của bị đơn Bà Vũ Thị H đến Tòa án làm việc một lần thừa nhận toàn bộ các khoản nợ gốc và lãi đúng như Ngân hàng yêu cầu. Do công ty làm ăn thua lỗ lâm vào cảnh nợ nần không còn khả năng chi trả, bà H đã tích cực phối hợp với Ngân hàng tìm người mua các tài sản thế chấp để trả nợ nhưng không thành. Bà H đề nghị Tòa án giải quyết vụ kiện theo quy định của pháp luật và nhiều lần không đến Tòa án làm việc theo các giấy triệu tập tiếp theo.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Phạm Q B có giấy ủy quyền cho vợ Bà Vũ Thị H thay mặt giải quyết mọi vấn đề liên quan trong vụ án.

Trong quá trình tố tụng, đã thực hiện việc tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng như thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập đương sự, thông báo mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông B, vợ chồng chị Phạm Thị Đ anh Vũ C H cố tình vắng mặt không có lý do. Ngày 27/9/2018, anh H gửi cho Tòa án 01 đơn đề nghị trình bày về việc vợ chồng anh thế chấp nhà đất thuộc sở hữu chung tại phường A thành phố H để đảm bảo cho khoản vay của công ty N. Anh H đề nghị Tòa án giải quyết phần tài sản chung của anh trong khối tài sản chung với chị Đ theo pháp luật và từ chối tham gia mọi giai đoạn tố tụng trong vụ án. Còn chị Đ hiện đã đi khỏi nơi cư trú nên anh không biết địa chỉ cụ thể ở đâu.

Tiến hành xác minh nơi cư trú của chị Đ theo địa chỉ ở thôn N, xã A, huyện T và khu gia đình trường Cao đẳng sư phạm H phường A, thành phố H được biết chị Đ không đăng ký hộ khẩu thường trú tại cả hai địa chỉ trên. Trước đây, anh H chỉ Đ thường xuyên sinh sống tại thôn N, xã A (sáng đi tối về), nhưng hiện tại chỉ một

mình anh H sinh sống, chị Đ không sống chung với anh H, không có mặt tại địa phương.

Theo biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 30/10/2018, 31/10/2018 thể hiện nhà đất vợ chồng ông B bà H và vợ chồng chị Đ anh H thế chấp đảm bảo cho các khoản vay tại Ngân hàng không có gì thay đổi, đúng như hai hợp đồng thế chấp bất động sản các bên đã ký kết.

Tại phiên toà hôm nay, người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị bị đơn phải thực hiện ngay việc trả nợ cho Ngân hàng. Tính đến ngày xét xử 18/12/2018, công ty N phải trả cho Ngân hàng gồm: nợ gốc 4.273.651.000đ, tiền lãi trong hạn 945.829.731đ, lãi phạt quá hạn 446.435.830đ, tổng cộng bằng 5.665.916.561đ. Trường hợp công ty không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ, đề nghị Toà án tuyên xử cho phát mại tài sản đã thế chấp để thu hồi nợ. Nếu tài sản thế chấp sau khi phát mại không đủ thu hồi nợ thì buộc công ty N do Bà Vũ Thị H là người đại diện theo pháp luật phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ của Ngân hàng theo Hợp đồng tín dụng đã ký. Đối với việc phạt chậm trả lãi, các loại phí và chi phí cho việc xem xét thẩm định tại chỗ đại diện Ngân hàng không yêu cầu bị đơn phải thanh toán, tự nguyện chịu toàn bộ, đề nghị Tòa án không xem xét giải quyết.

Bà Vũ Thị H, ông Phạm Q B, chị Phạm Thị Đ, anh Vũ C H đã được Toà án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiên Lữ tham gia phiên tòa: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà, Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên toà đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình; bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chưa chấp hành đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng các Điều 117, 119, 317, 318, 323, 463, 688 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, khoản 2 Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội qui định về án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả cho Ngân hàng tiền nợ gốc, tiền lãi trong hạn, tiền lãi quá hạn tạm tính đến ngày xét xử 18/12/2018 tổng cộng là 5.665.916.561đ. Bị đơn còn phải tiếp tục chịu lãi trên số nợ gốc kể từ ngày 19/12/2018 cho đến khi thanh toán hết nợ theo đúng lãi suất hai bên thoả thuận trong hợp đồng tín dụng.

Trường hợp bị đơn không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì đề nghị Toà án tuyên xử cho phát mại toàn bộ tài sản đã thế chấp để thu

hồi nợ. Hoàn trả lại nguyên đơn tiền tạm ứng án phí đã nộp. Bị đơn phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần C khởi kiện yêu cầu Toà án buộc bị đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn sản xuất Thương mại xuất nhập khẩu N; địa chỉ: Khu phố H B, thị trấn V, huyện T, tỉnh Hưng Yên do Bà Vũ Thị H - Giám đốc công ty là người đại diện theo pháp luật phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo Hợp đồng tín dụng đã ký kết nên là tranh chấp về kinh doanh thương mại (tranh chấp hợp đồng tín dụng) và thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án huyện Tiên Lữ theo quy định tại khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đại diện hợp pháp của bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông B, anh H, chị Đ mặc dù đã được Toà án triệu tập hợp lệ lần thứ nhất nhưng vắng mặt không có lý do tại phiên tòa ngày 30/11/2018, nên Toà án huyện Tiên Lữ đã ra Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2018/QĐST-KDTM, ấn định thời gian mở lại phiên tòa vào hồi 08 giờ 00 phút ngày 18/12/2018 đồng thời niêm yết quyết định và giấy triệu tập theo quy định. Riêng chị Phạm Thị Đ hiện đã đi khỏi nơi cư trú nhưng không thông báo cho Ngân hàng và Toà án biết địa chỉ nơi cư trú mới nên thuộc trường hợp cố tình trốn tránh trách nhiệm. Đại diện hợp pháp của bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do, nên Toà án xét xử vắng mặt những người trên theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về áp dụng pháp luật: Hợp đồng tín dụng giữa các bên được ký kết vào ngày 10/6/2016 trước khi Bộ luật Dân sự năm 2015 có hiệu lực. Tuy nhiên, hợp đồng tín dụng có nội dung và hình thức phù hợp với quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015 nên căn cứ điểm b khoản 1 Điều 688 Bộ luật Dân sự 2015 luật nội dung điều chỉnh quan hệ tranh chấp là Bộ luật Dân sự năm 2015. Riêng phần tính lãi suất sẽ áp dụng Án lệ số 08/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán Toà án nhân dân tối cao thông qua ngày 17/10/2016 và được công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17/10/2016 của Chánh án Toà án nhân dân tối cao.

[3]. Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử thấy: Hợp đồng tín dụng số 300228634/2016-HĐTDHM/NHCT342 ngày 10/6/2016 và các văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng giữa nguyên đơn và bị đơn tuân thủ các quy định tại Điều 121, 122 Bộ luật Dân sự năm 2005 (Điều 117, 119 Bộ luật Dân sự năm 2015) khi giao kết nên hợp đồng là hợp pháp, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ, các bên phải có trách nhiệm thực hiện các thoả thuận đã cam kết trong hợp đồng. Quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng, nguyên đơn thực hiện đúng các thoả thuận trong hợp đồng, giải ngân theo cam kết cho bị đơn. Tuy nhiên, bị đơn đã không thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi đúng hạn nên đã vi phạm Hợp đồng tín dụng. Ngân hàng đã nhiều lần thông báo, nhắc nợ, đồng

thời làm việc với bị đơn để đơn đốc, yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả nợ nhưng bị đơn không thực hiện. Nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải thanh toán các khoản nợ tính đến thời điểm xét xử sơ thẩm gồm tiền nợ gốc 4.273.651.000đ, tiền lãi trong hạn 945.829.731đ, lãi phạt quá hạn 446.435.830đ, tổng cộng bằng 5.665.916.561đ là phù hợp với các điều khoản của Hợp đồng tín dụng và quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Ngoài ra, HĐXX áp dụng Án lệ số 08/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17/10/2016 buộc bị đơn phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng khoản tiền lãi trên nợ gốc trong hạn, lãi nợ quá hạn của số tiền gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Do các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh mức lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng, nên lãi suất mà bị đơn phải tiếp tục thanh toán theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

[4]. Đối với yêu cầu xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ của Ngân hàng: Hợp đồng thế chấp bất động sản số 300228634-01/HĐTTC/VB-Ngày 28/5/2015 và Hợp đồng thế chấp bất động sản số 300228634-02/HĐTTC/VB-Ngày 02/6/2015 vợ chồng chị Phạm Thị Đ anh Vũ C H và vợ chồng Bà Vũ Thị H ông Phạm Q B đã ký với Ngân hàng thể hiện tài sản thế chấp gồm: 75,2m² ở khu gia đình trường Cao đẳng sư phạm H thuộc phường A, thành phố H tại thửa số 41 tờ bản đồ số 56 đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất mang tên chị Đ anh H, trên đất có ngôi nhà mái bằng một tầng diện tích sàn xây dựng 70m²; diện tích đất 318,3m² ở mặt đường 200 xã D huyện T tại thửa số 414 tờ bản đồ số 224 đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất mang tên ông B bà H, trên đất có ngôi nhà 02 tầng mái bằng diện tích sàn 250m². Hai hợp đồng thế chấp bất động sản đều được công chứng và đăng ký giao dịch đảm bảo theo quy định tại Điều 117, Điều 119 Bộ luật Dân sự năm 2015 và Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ nên hợp pháp, có hiệu lực pháp luật. Do vậy, trường hợp bị đơn không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng có quyền đề nghị cơ quan có thẩm quyền cho phát mại các tài sản đã thế chấp để thu hồi nợ. Trường hợp tài sản thế chấp sau khi phát mại không đủ để thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì bị đơn phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ.

[5]. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, phạt chậm trả lãi và các loại phí đã qui định trong hợp đồng tín dụng: Ngân hàng không yêu cầu bị đơn phải chịu trách nhiệm hoàn trả. Xét việc này là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[6]. Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần C được chấp nhận nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Công ty trách nhiệm hữu hạn sản xuất Thương mại xuất nhập khẩu N phải chịu án phí sơ thẩm theo quy

định tại Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 117, 119, 317, 318, 321, 322, 323, 463, điểm b khoản 1 Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, khoản 2 Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Án lệ số 08/2016/AL.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần C - Chi nhánh Hưng Yên.

Buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn sản xuất Thương mại xuất nhập khẩu N do Bà Vũ Thị H là người đại diện theo pháp luật phải có nghĩa vụ thanh toán trả cho Ngân hàng các khoản nợ tạm tính đến ngày xét xử sơ thẩm 18/12/2018 gồm tiền nợ gốc 4.273.651.000đ, tiền lãi trong hạn 945.829.731đ, lãi quá hạn 446.435.830đ, tổng cộng bằng 5.665.916.561đ (*Năm tỷ sáu trăm sáu mươi triệu chín trăm mười sáu nghìn năm trăm sáu mươi đồng*). Công ty N còn phải tiếp tục chịu lãi quá hạn của số nợ gốc chưa thanh toán kể từ ngày 19/12/2018 theo mức lãi suất mà hai bên đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Lãi suất mà bị đơn phải tiếp tục thanh toán theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Trường hợp công ty N không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng có quyền đề nghị Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền cho phát mại tài sản gồm: quyền sử dụng diện tích đất 75,2m² ở khu gia đình trường Cao đẳng sư phạm H thuộc phường A, thành phố H tại thửa số 41 tờ bản đồ số 56 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BB 374904 do UBND thành phố H cấp ngày 21 tháng 5 năm 2010 mang tên chị Phạm Thị Đ anh Vũ C H, trên đất có ngôi nhà mái bằng một tầng diện tích sàn xây dựng 70m² cùng toàn bộ tài sản khác gắn liền với đất (kể cả tài sản hình thành trong tương lai từ tài sản thế chấp); quyền sử dụng diện tích đất 318,3m² ở mặt đường 200 xã D huyện T tại thửa số 414 tờ bản đồ số 224 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BS 547726 do UBND huyện T cấp ngày 29 tháng 12 năm 2014 mang tên ông Phạm Q B Bà Vũ Thị H, trên đất có ngôi nhà 02 tầng mái bằng diện tích sàn 250m² cùng toàn bộ tài sản khác gắn liền với đất (kể cả tài sản hình thành trong tương lai từ tài sản thế chấp) để thu hồi nợ.

Trường hợp tài sản thế chấp sau khi phát mại không đủ để thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì Công ty N do Bà Vũ Thị H là người đại diện theo pháp luật phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ.

Về án phí: Ngân hàng thương mại cổ phần C - Chi nhánh Hưng Yên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả Ngân hàng số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 56.700.000 đồng theo biên lai số HY/2010/004275 ngày 24/8/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên.

Bị đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn sản xuất Thương mại xuất nhập khẩu N do Bà Vũ Thị H là người đại diện theo pháp luật phải chịu 113.665.900đ (*Một trăm mười ba triệu sáu trăm sáu lăm nghìn chín trăm đồng*) án phí dân sự sơ thẩm;

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Tiên Lữ;
- Chi cục THADS huyện Tiên Lữ;
- UBND xã D, A V, phường A
- Phòng KTNV Toà án tỉnh Hưng Yên;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Đoàn Mạnh Quang